

QUẢN LÝ XÂY DỰNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

PHẠM THỊ HOA LÝ¹, TRẦN VĂN HIẾU²

¹ Trường THCS Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

² Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Mẫu nghiên cứu là 495 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của 19 trường trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông cơ sở trên địa bàn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đề xuất các biện pháp quản lý xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay.

Từ khóa: Quản lý; Trung học cơ sở; Chuẩn quốc gia; huyện Triệu Phong; tỉnh Quảng Trị

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã chỉ rõ: “*Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế*” [2].

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là chủ trương lớn mang tính chiến lược của ngành giáo dục và đào tạo, nhằm chuẩn hóa các điều kiện và huy động các nguồn lực để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nên trong những năm qua, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học nói chung và bậc THCS nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Huyện ủy, HĐND, UBND từ huyện đến xã, của Phòng Giáo dục và Đào tạo và sự phối hợp đồng bộ của tất cả các cơ quan, ban ngành huyện Triệu Phong và tỉnh Quảng Trị. Công tác quản lý xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia bước đầu đạt những kết quả quan trọng. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò và nhiệm vụ công tác trường chuẩn quốc gia có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các nguồn lực huy động cho giáo dục đều được sử dụng có hiệu quả. Các trường đã thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành, quản lý chất lượng giáo dục đáp ứng tiêu chí trường chuẩn quốc gia... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác này còn nhiều hạn chế, yếu kém. Số trường THCS chưa đạt chuẩn còn khá cao (42,1%) vì chưa đạt được nhiều tiêu chí cơ bản theo *Quy chế Công nhận trường trung học cơ sở, trường*

trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia [1]. Vì vậy, các cơ quan quản lý giáo dục và Hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn huyện Triệu Phong cần có những biện pháp hữu hiệu để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trên toàn huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu vấn đề trên, chúng tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi là phương pháp chủ đạo kết hợp phỏng vấn. Khách thể nghiên cứu là 495 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đến từ 19 trường THCS, TH và THCS, PTCS trên địa bàn huyện Triệu Phong. Thời gian khảo sát: từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2017.

Các nội dung khảo sát bằng phiếu hỏi được đánh giá theo 4 mức độ, được quy ước như sau: Tốt: 4; Khá: 3; Đạt: 2; Chưa đạt: 1; Rất cần thiết: 4; Cần thiết: 3; Ít cần thiết: 2; Không cần thiết: 1. Kết quả khảo sát được xử lý bằng các phép toán theo 2 chỉ số là tỷ lệ % và điểm trung bình cộng (\bar{X}) theo công thức:

$$\bar{X} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^4 x_i n_i$$

Trong đó: x_i là điểm được cho ứng với từng nội dung, $x_i \in \{1, 2, 3, 4\}$

n_i là số người cho điểm x_i nội dung tương ứng.

N là tổng số người cho điểm từng nội dung.

Điểm TBC được đánh giá theo 4 mức quy ước như sau:

$1.0 \leq \bar{X} < 1.5$: Yếu; $1.5 \leq \bar{X} < 2.5$: Trung bình; $2.5 \leq \bar{X} < 3.5$: Khá; $3.5 \leq \bar{X} \leq 4.0$: Tốt

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức của CBQL, giáo viên và nhân viên về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Bảng 1. Nhận thức của CBQL, GV và NV về xây dựng trường THCS đạt chuẩn QG

Đối tượng	Tổng số	Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết		ĐTB (\bar{X})
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
CBQL	38	25	65.8	13	34.2					3.7
GV & NV	457	143	31.3	196	42.9	75	16.4	43	9.4	3.0
Chung		3.35								$\bar{X} =$

Kết quả đánh giá ở bảng 1 cho thấy ý kiến đánh giá của CBQL và GV đạt mức khá với $\bar{X} = 3.35$. Trong đó, ý kiến của CBQL đạt mức tốt với $\bar{X} = 3.7$, ý kiến giáo viên và nhân viên chỉ đạt ở mức khá $\bar{X} = 3.0$. Điều này cho thấy tất cả CBQL và đa số GV, nhân viên

đã nhận thức đúng đắn và tích cực về tầm quan trọng của công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia thể hiện 100% ý kiến CBQL và 90,6% ý kiến GV, nhân viên đánh giá công tác này cần thiết trở lên. Tuy nhiên, vẫn còn 16,4 % ý kiến cho rằng việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là ít cần thiết và 9,4% ý kiến cho rằng không cần thiết. Điều này chứng tỏ một bộ phận giáo viên, nhân viên nhận thức chưa thấu đáo, chưa hiểu hết tầm quan trọng của việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nguyên nhân là do công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của giáo viên và nhân viên về chủ trương và lợi ích xây dựng trường chuẩn chưa thường xuyên. Mặc dù con số không quá lớn tuy nhiên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo và triển khai các hoạt động xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia một cách đồng bộ. Với kết quả khảo sát trên đặt ra nhiệm vụ với lãnh đạo nhà trường cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, nhân viên về sự cần thiết của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2. Thực trạng thực hiện các chức năng quản lý xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia

Bảng 2. Đánh giá thực trạng thực hiện các chức năng quản lý

Đối tượng	Các chức năng quản lý	Mức độ								ĐTB (\bar{X})
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<i>Hiệu trưởng</i>	Kế hoạch hoá	276	55.8	68	13.7	107	21.6	44	8.9	3.2
	Tổ chức	219	44.2	124	25.1	117	23.6	35	7.1	3.1
	Chỉ đạo	213	43.0	117	23.6	133	26.9	32	6.5	3.0
	Kiểm tra	196	39.6	121	24.4	130	26.3	48	9.7	2.9
Chung		$\bar{X} = 3.05$								

Kết quả đánh giá ở bảng 2 cho thấy mức độ đánh giá thực trạng thực hiện các chức năng quản lý được đánh giá chung ở mức độ khá $\bar{X} = 3.05$. Các nội dung thực hiện các chức năng quản lý được đánh giá ở mức độ tương đối đồng đều dao động trong khoảng từ $2.9 \leq \bar{X} \leq 3.2$. Trong đó nội dung “*Kế hoạch hóa*” được đánh giá cao nhất $\bar{X} = 3.2$ với 69.5% ý kiến đánh giá đạt mức khá trở lên. Nội dung nhiều ý kiến đánh giá thấp nhất là: “*Kiểm tra, đánh giá*” đạt mức khá với $\bar{X} = 2.9$. Điều này cho thấy một bộ phận hiệu trưởng còn chưa thực hiện tốt các chức năng quản lý. Việc xây dựng kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn thiếu bao quát, thiếu lộ trình cụ thể dẫn đến sự lúng túng, bị động trong quá trình thực hiện. Việc tổ chức thực hiện chưa chi tiết, chưa cụ thể hóa nội dung, thiếu sự đồng bộ. Việc chỉ đạo còn máy móc, chưa cụ thể hóa và mở rộng đối tượng thực hiện. Việc kiểm tra, giám sát còn xem nhẹ nên tiến độ xây dựng trường chuẩn còn chậm.

3.3. Quản lý xây dựng các tiêu chí về tổ chức và quản lý nhà trường

Kết quả ở bảng 3 cho thấy ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện nội dung quản lý các tiêu chí về tổ chức và quản lý nhà trường là khá với $\bar{X} = 3.33$. Các nội dung được đánh giá ở mức độ đồng đều dao động trong khoảng từ $3.2 \leq \bar{X} \leq 3.5$. Trong đó nội dung

“Quản lý duy trì đủ khối lớp, biên chế lớp học đảm bảo đủ số lượng học sinh theo quy chế trường chuẩn” được đánh giá cao nhất với $\bar{X} = 3.5$ tương ứng đạt mức tốt. Tốt, khá đạt 98,1%, chưa đạt 1,9%. Nội dung có nhiều ý kiến đánh giá thấp nhất là “Quản lý, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà trường” với $\bar{X} = 3.2$. Tỷ lệ tốt, khá cao 76.2%; đạt 22,4% và chưa đạt 1.4%. Nội dung “Chỉ đạo các đoàn thể tham gia tích cực các cuộc vận động và phong trào thi đua” và “Xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường vững mạnh” được đánh giá ngang nhau ở mức khá với $\bar{X} = 3.3$. Điều đó chứng tỏ đa số các trường đã quan tâm đến công tác này. Trên thực tế toàn huyện có 14/19 (73.7%) trường đã đáp ứng được tiêu chuẩn trên. Một số trường chưa đạt do một bộ phận tổ chuyên môn ở một số trường chưa thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo chủ đề bài học, còn nặng sinh hoạt hành chính dẫn đến chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn chưa cao; một số trường Chi bộ chưa đạt trong sạch vững mạnh.

Bảng 3. Đánh giá về mức độ thực hiện nội dung quản lý các tiêu chí về tổ chức và quản lý nhà trường

Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB (\bar{X})
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Quản lý duy trì đủ khối lớp, biên chế lớp học đảm bảo theo quy chế trường chuẩn	311	62.8	105	21.2	70	14.1	9	1.9	3.5
Quản lý, kiện toàn bộ máy tổ chức của nhà trường.	245	49.5	132	26.7	111	22.4	7	1.4	3.2
Chỉ đạo các đoàn thể tham gia tích cực các phong trào thi đua	262	52.9	106	21.4	119	24	8	1.7	3.3
Xây dựng tổ chức Đảng, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh.	284	57.4	95	19.2	106	21.4	10	2.0	3.3
Chung	$\bar{X} = 3.33$								

3.4. Quản lý thực hiện tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Qua thống kê mức độ thực hiện tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá ở mức khá với $\bar{X} = 3,17$. Song trên thực tế yêu cầu này cần phải cao hơn nữa. Các chỉ số còn lại đều xếp ở mức khá dao động trong khoảng $2.8 \leq \bar{X} \leq 3.5$. Nội dung “Quản lý việc bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV và NV” được đánh giá cao nhất với $\bar{X} = 3,5$ tương ứng đạt mức tốt. Các nội dung còn lại đều xếp ở mức khá. “Động viên GV tham gia các kỳ thi GVĐG các cấp” với $\bar{X} = 3.4$; “Đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT, GV, NV” với $\bar{X} = 3.3$; “Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV và NV đạt chuẩn”, với $\bar{X} = 3.2$; “Quản lý các hội thảo, chuyên đề về đổi

mới PPDH” với $\bar{X} = 3.1$; “Đủ số lượng giáo viên và nhân viên” với $\bar{X} = 2.9$ và “Dự báo phát triển nhà trường ngắn hạn, trung hạn và dài hạn” với $\bar{X} = 2.8$. Điều đó chứng tỏ hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn huyện Triệu Phong đã quan tâm đến công tác quản lý thực hiện tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên xem đây là một trong những tiêu chuẩn thiết yếu, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển bền vững của nhà trường. Thực tế CBQL, GV và nhân viên của các trường THCS trong huyện đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 73.1%.

Hai nội dung có mức độ đánh giá thấp nhất là “Đủ số lượng giáo viên, nhân viên”, $\bar{X} = 2.9$ và “Dự báo phát triển nhà trường ngắn hạn, trung hạn và dài hạn”, $\bar{X} = 2.8$. Thực tế cho thấy, đội ngũ nhân viên đa số do giáo viên kiêm nhiệm, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc ở một số trường còn thiếu thốn nên hiệu quả công việc chưa cao. Mặt khác, hoạt động của một số tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hội đồng trường ở một bộ phận trường học chưa đồng đều và nền nếp; công tác dự báo thiếu cụ thể và khoa học.

Bảng 4. Đánh giá mức độ thực hiện tiêu chuẩn về CBQL, giáo viên và nhân viên

Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB (\bar{X})
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Đủ số lượng giáo viên và nhân viên, đạt chuẩn theo trình độ đào tạo hoặc bồi dưỡng đủ năng lực nghiệp vụ, đồng bộ về cơ cấu	207	41.8	67	13.5	164	33.1	57	11.6	2.9
Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn.	261	52.7	106	21.4	114	23.0	14	2.9	3.2
Quản lý việc bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV và NV	302	61.0	115	23.2	78	15.8	0	0	3.5
Dự báo phát triển nhà trường ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	172	34.7	127	25.7	129	26.1	67	13.5	2.8
Quản lý các hội thảo, chuyên đề về đổi mới PPDH	212	42.8	127	25.7	127	25.7	29	5.8	3.1
Động viên giáo viên tham gia các kỳ thi GVĐG các cấp	298	60.2	95	19.2	102	20.6	0	0	3.4
Đánh giá, xếp loại chuẩn HT, phó HT, GV và NV theo quy định	272	54.9	91	18.4	132	26.7	0	0	3.3
Chung	$\bar{X} = 3.17$								

3.5. Quản lý hoạt động dạy và học nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Kết quả ở bảng 5 cho thấy mức độ thực hiện tiêu chuẩn này xếp loại khá với $\bar{X} = 3.17$. Các nội dung được đánh giá dao động trong khoảng từ $2.9 \leq \bar{X} \leq 3.5$. Trong đó nội dung “Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khóa biểu”

được đánh giá ở mức cao nhất $\bar{X} = 3.5$ tương ứng xếp loại tốt; “*Quản lý chất lượng giáo dục*” với $\bar{X} = 3.1$ xếp thứ 2; “*Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá*” xếp thứ 3 với $\bar{X} = 2.9$ tương ứng xếp loại khá. Trên thực tế về chất lượng giáo dục chỉ có 17/19(89.5%) đơn vị đạt tiêu chí này. Điều này chứng tỏ đa số hiệu trưởng đã quan tâm, chú trọng đến công tác quản lý hoạt động dạy và học xem đây là một trong những yếu tố cơ bản để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để không ngừng nâng cao chất lượng đại trà cũng như chất lượng mũi nhọn đáp ứng với tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, chất lượng hiệu quả giáo dục đạt được so với yêu cầu còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của huyện Triệu Phong. Một số nội dung như huy động và duy trì sĩ số còn rất khó khăn đặc biệt đối với các trường trong vùng kinh tế khó khăn, và một số trường có các thôn sinh sống chủ yếu trên sông nước như Triệu Thuận, Triệu Giang, Triệu Thành,... Việc đổi mới phương pháp dạy học ở một bộ phận trường học chưa được chú ý thường xuyên, việc thực hiện 2 chuyên đề/tổ/ năm còn mang tính hình thức. Một số giáo viên còn lúng túng, chưa thực sự chủ động và tích cực trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Bảng 5. *Đánh giá mức độ thực hiện quản lý hoạt động dạy và học nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện*

Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB (\bar{X})
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khóa biểu	299	60.4	145	29.3	51	10.3			3.5
Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	211	42.6	95	19.2	125	25.3	64	12.9	2.9
Quản lý chất lượng giáo dục	235	47.5	115	23.2	122	24.6	23	4.7	3.1
Chung	$\bar{X} = 3.17$								

3.6. Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Kết quả ở bảng 6 cho thấy ý kiến đánh giá về tiêu chí này đạt mức khá với $\bar{X} = 3.0$. Các nội dung đánh giá khá đồng đều dao động trong khoảng từ $2.8 \leq \bar{X} \leq 3.3$. Trong đó nội dung “*Thực hiện qui định công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, quản lý tài chính, tài sản*” được đánh giá cao nhất với $\bar{X} = 3.3$; “*Mở rộng khuôn viên nhà trường, xây dựng sân chơi bãi tập đảm bảo diện tích trường chuẩn*” đạt khá với $\bar{X} = 3.0$; “*Nâng cao việc sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*” đạt khá với

$\bar{X} = 2.9$ và thấp nhất là chỉ số “Sắp xếp bố trí phòng học, phòng bộ môn, khu phục vụ học tập và văn phòng” với $\bar{X} = 2.8$.

Trên thực tế, cơ sở vật chất đặc biệt là các phòng học bộ môn ở một số đơn vị còn thiếu nhiều; sân chơi, bãi tập chưa được quy hoạch hợp lý... Ngay cả những trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia cũng cần tiếp tục hoàn thiện các hạng mục nhằm duy trì và nâng cao các tiêu chí trường chuẩn. Nguyên nhân do nguồn ngân sách nhà nước còn eo hẹp nên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế của ngành. Mặt khác, một số trường được xây dựng trước khi có quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia vì thế không đạt chuẩn so với yêu cầu mới hiện nay. Quản lý tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa hiệu quả, sự chung tay góp sức chưa đồng bộ, thiếu cụ thể hóa tối đa nguồn lực xây dựng trường chuẩn.

Bảng 6. Đánh giá mức độ thực hiện quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB (\bar{X})
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Thực hiện qui định công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, quản lý tài chính, tài sản.	270	54.5	121	24.4	103	20.8	1	0.3	3.3
Mở rộng khuôn viên nhà trường, xây dựng sân chơi, bãi tập đảm bảo diện tích trường chuẩn	226	45.7	109	22.0	96	19.4	64	12.9	3.0
Sắp xếp bố trí đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, khu phục vụ học tập và văn phòng	146	29.5	171	34.5	133	26.9	45	9.1	2.8
Nâng cao việc sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	176	35.6	146	29.5	130	26.3	43	8.6	2.9
Chung	$\bar{X} = 3.0$								

3.7. Quản lý công tác xã hội hóa giáo dục trong việc huy động các nguồn lực cho việc xây dựng trường chuẩn quốc gia

Kết quả ở bảng 7 cho thấy mức độ thực hiện quản lý công tác xã hội hóa giáo dục được đánh giá ở mức khá với $\bar{X} = 3.03$. Các nội dung được đánh giá dao động từ $2.9 \leq \bar{X} \leq 3.3$. Trong đó nội dung “Xây dựng và đẩy mạnh hoạt động giữa nhà trường, gia đình và xã hội” được đánh giá ở mức cao nhất với $\bar{X} = 3.3$. Hai nội dung “Tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương” và “Huy động cộng đồng tham gia xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học” được đánh giá ngang nhau với $\bar{X} =$

2.9. Trên thực tế thì công tác xã hội hóa giáo dục được hiệu trưởng và địa phương khá quan tâm, nhưng huyện Triệu Phong là một huyện còn khá khó khăn về kinh tế, có 4 xã bãi ngang nên việc huy động bị hạn chế đáng kể. 11/19 (57.9%) đơn vị làm tốt công tác này. Một vài cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, chăm lo đúng mức đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Đồng thời, tự bản thân các trường chưa cố gắng vươn lên. Các đơn vị khác có tâm lý ỷ lại, chờ đợi Nhà nước cấp trên, thiếu chủ động sáng tạo trong phát huy nội lực, thế mạnh của địa phương để chăm lo phát triển giáo dục.

Bảng 7. Đánh giá mức độ thực hiện quản lý công tác xã hội hóa giáo dục

Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB (\bar{X})
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương.	205	41.4	94	19.0	159	32.1	37	7.5	2.9
Xây dựng và đẩy mạnh hoạt động giữa: Nhà trường – gia đình – xã hội	252	50.9	130	26.3	104	21.0	9	1.8	3.3
Huy động cộng đồng tham gia xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	194	39.2	133	26.9	112	22.6	56	11.3	2.9
Chung	$\bar{X} = 3.03$								

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đề xuất 6 biện pháp quản lý xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Biện pháp 1. Nâng cao nhận thức về công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Biện pháp 2. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia.

Biện pháp 3. Sử dụng, khai thác có hiệu quả các nguồn tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia.

Biện pháp 4. Đổi mới quản lý hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Biện pháp 5. Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia

Biện pháp 6. Thực hiện các chức năng quản lý của hiệu trưởng một cách khoa học, sáng tạo.

4. KẾT LUẬN

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII nêu rõ: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực bồi dưỡng nhân tài” ...phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực” [3]. Với tư tưởng đó, xây dựng và phát triển hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia là một nhiệm vụ cấp bách và trọng tâm trong quản lý giáo dục các cấp.

Xuất phát từ những định hướng đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn quản lý xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, tác giả đã đề xuất 6 biện pháp quản lý với mong muốn “đến năm 2020 toàn huyện có ít nhất 70% trường THCS đạt chuẩn quốc gia”. [4]. Các biện pháp trên phải thực hiện đồng bộ và sáng tạo tùy vào đặc điểm cụ thể mỗi nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT, về việc ban hành Quy chế Công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia, ngày 7/12/2012.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). Nghị quyết 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tám BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng.
- [4] Đảng bộ huyện Triệu Phong (2015). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Phong lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 – 2020) ngày 16/7/2015, Triệu Phong.

Title: MANAGEMENT STATUS CONSTRUCTION UP TO NATIONAL STANDARDS IN JUNIOR HIGH SCHOOLS IN TRIEU PHONG DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

Abstract: The article presents the results of study on the management status construction up to national standards in junior high schools in Trieu Phong district, Quang Tri province. Sample of the study was 495 principals, vice principals, teachers and staffs from 19 junior high schools, primary and junior high schools in Trieu Phong district, Quang Tri province. The results of the research will be an important and practical basis for the author to propose management measures up to national standards in junior high schools in Trieu Phong district, Quang Tri province in the all-rounded renovation of education and training nowadays.

Keywords: Management; Junior high school; National standards; Trieu Phong district; Quang Tri province.